

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM NGHĨA SỚ CHÚ

QUYỂN 8

(Phần 2)

Nói về Thập Địa, chia làm mười:

1. Hoan hỷ địa:

Nầy A-nan! Thiện nam này khéo thông đạt đại Bồ-đề, giác thông Như-lai, bao trùm cảnh giới Phật, nên gọi là Hoan Hỷ địa. Bồ-đề là Phật giác, trước thì hoặc xuất hoặc không xuất, như tướng trước lửa, gọi là noãn (hơi ấm). Nay như lửa tắt củi hết, tro bay, khói tận cho nên nói khéo được thông đạt, Sơ địa này gọi là vị Thông Đạt. Tận cùng cảnh giới Phật là lý hiển, vì được trí vô phân biệt, khéo đạt pháp giới nhất chân bình đẳng lia tướng năng sở. Cho nên Duy Thức nói: Bấy giờ, đối với trí sở duyên đều không thật có. Bấy giờ, vì trụ Duy thức lia hai tướng chấp đắm.

Lại nói: Khéo đạt pháp giới nhất chân bình đẳng, cho đến được biến thành chân như, lia chướng tánh dị sinh, tu đàn Ba-la-mật tăng thượng. Nói biến hành là chân như này cùng khắp tất cả các hành pháp. Nhưng nay chứng đắc, tự lợi lợi tha được tự tại. Nên gọi là Hoan hỷ địa.

Kinh Hoa Nghiêm, kinh Nhân Vương có nói rộng về tướng này.

Nay không ghi đủ, dưới đều mô phỏng theo đây.

2. Ly Cấu địa:

Dị tánh nhập đồng, tánh đồng cũng diệt, gọi là Ly Cấu địa. Địa trước đối với Đại Bồ-đề khéo được thông đạt, lia tướng thế gian, được chánh tánh ly sinh, phá chướng tánh dị sinh, chứng Pháp giới nhất chân. Cho nên nói dị tánh nhập đồng. Địa này đối với đồng của khác. Cũng không thật có, cho nên nói tánh đồng cũng dứt. Nếu thấy đồng thì gọi là cấu, đã lia đối đãi, nên gọi là Ly cấu. Lại địa này chứng được chân như trên hết, lia chướng tà hạnh, trì giới Ba-la-mật thêm cao siêu, tánh giới hiển bày nên gọi là trên hết, dùng bốn tâm vô lượng để thực hành mười điều lành rộng lớn, được thành tựu tánh giới, đối với tánh trọng

chê bai, bình đẳng không khác, cũng gọi là dị tánh nhập đồng, tánh dứt cũng không, mới lia cấu phá giới nhỏ nhất, gọi là đồng tánh cũng dứt, gọi là Ly cấu địa.

3. Phát Quang địa:

Tịnh cực thì minh sinh, gọi là Phát Quang địa, thành tựu thắng định, đại pháp tổng trì, phá giới phiền não rốt ráo bất sinh. Địa này chứng được chân như thắng lưu. Nghĩa là từ chân như này có ra giáo pháp. Vì đối với các giáo khác rất cao siêu, dứt chướng ám độn, thực hành nhần nhục Ba-la-mật thêm cao siêu.

4. Diệm Tuệ địa:

Minh cực thì giác mãn, gọi là Diệm Tuệ địa. Nhờ định mà phát tuệ, tuệ càng phát sáng. Cho nên nói minh cực, có công năng phá tan phiền não sâu kín, chướng hết nên gọi là giác mãn. Lửa giác đã thêm nên gọi là Diệm tuệ. Địa này chứng được vô nhiễm thọ chân như. Nghĩa là chân như này do hai thân kiến của thức thứ sáu dứt hết ở đây, vì không bị ngã chấp nhiếp lấy, có công năng dứt trừ chướng do phiền não nhỏ nhiệm hiện hành, tu tập tinh tiến Ba-la-mật thêm cao siêu.

5. Nan Thắng địa:

Tất cả đồng khác không thể đến gọi là Nan Thắng địa. Chân trí duy nhất, nên nói là đồng. Tục trí (trí thế tục) khác nhau nên gọi là khác. Hai trí chân và tục hành tướng trái nhau, không đồng mà chẳng khác cho nên nói đều không thể đến, rất là cao siêu. Lại không có điều nào hơn nên gọi là Nan Thắng. Địa này chứng được Chân như Vô Nhiếp Thọ. Nghĩa là chân như này, chẳng giống như mắt v v... vì có loại nhau, đoạn chướng Niết-bàn của thừa dưới, tu tập thiền Ba-la-mật thêm cao siêu.

6. Hiện Tiền địa:

Tánh vô vi chân như thanh tịnh, sáng suốt hiển bày, nên gọi là Hiện tiền địa. Nghĩa là trụ vào trí nhân duyên, dẫn Bát-nhã cao sâu vô phân biệt, làm cho được hiện tiền, Trí hiện, lý hiện, nên nói là Tánh vô vi chân như thanh tịnh sáng suốt hiển bày. Địa này chứng được chân như vô nhiễm tịnh. Nghĩa là bản tánh của chân như này vô nhiễm. Cũng không thể nói sau đó mới tịnh, dứt tướng thô, chứng hiện hành, tu tập Bát-nhã Ba-la-mật thêm cao siêu.

7. Viễn Hành địa:

Tận bờ mé chân như, gọi là Viễn Hành địa. Vì Địa thứ tám được tâm nhất chân như, nên gọi là vô tướng vô công đức, vì địa thứ bảy này (Viễn Hành địa) từ mới phát tâm, hai vô số kiếp gia công dụng hạnh

đến nay có tướng ở sau công dụng. Vì ra khỏi đạo Nhị thừa thế gian. Đến chân như này không có bờ mé của tướng, nên gọi là tận bờ mé chân như. Nhiều kiếp tu hành nên gọi là Viễn Hành. Chứng được pháp chân như không khác nhau. Nghĩa là chân như này tuy có nhiều giáo pháp an lập, mà không khác, tướng dứt chướng nhỏ nhiệm hiện hành, tu tập phương tiện khéo léo thêm cao siêu.

8. Bất Động địa:

Tâm nhất chân như gọi là Bất Động địa, chẳng nhiễm chẳng tịnh, nên gọi là Nhất. Lìa các luống dối nên gọi là Chân. Thường trụ bất biến nên gọi là Như, y theo nghĩa này gọi là Bất động. Lại trong địa này trí vô phân biệt mặc tình nối nhau, vì tướng dụng phiền não không thể làm xao động nên gọi là Bất Động địa. Địa này chứng được chân như bất tăng giảm. Nghĩa là chân như này lìa chấp thêm bớt, vì không theo nhiễm tịnh có thêm bớt, dứt chướng gia hạnh trong vô tướng, tu nguyện Ba-la-mật thêm cao siêu.

9. Thiện Tuệ địa:

Phát dụng chân như gọi là Thiện Tuệ địa, nương thể của lý của chân như khởi dụng trí vô ngại, thành tựu bốn vô ngại giải mâu nhiệm. Vì có khả năng trùm khắp mười phương, khéo léo nói pháp, nên gọi là Thiện Tuệ địa. Địa này chứng được chân như trí tự tại. Nghĩa là chứng được chân như này rồi thì bốn vô ngại giải được tự tại, đó là pháp vô quái ngại, nghĩa vô ngại giải, từ vô ngại giải và lạc thuyết vô ngại giải. nghĩa là bốn thứ này dùng trí làm thể, gọi là trí tự tại, hành chướng vô dục trong môn tự lợi lợi tha, tu tập lực Ba-la-mật thêm cao siêu.

10. Pháp Vân Địa, có hai:

a) Nêu yếu chỉ.

Này A-nan! Các Bồ-tát này, từ đây đã trụ, tu tập công đức đã xong, công đức tròn đầy, cũng gọi địa này là Tu Tập vị. Ở đây chỉ cho hai địa này cho đến địa thứ mười nói các Bồ-tát là vị thứ tư trong năm vị này, hoặc có thể chỉ chung lần lượt từ trước đến năm mươi lăm vị.

Địa thứ mười này chính là tu tập bờ mé sau rốt. Cũng gọi địa này là Tu Tập vị.

b) Nói về Pháp Vân Địa:

Từ âm diệu vân che phủ biển Niết-bàn gọi là Pháp Vân địa, thể của tâm Bồ-đề không lìa hai thứ, đó là bi và trí, từ khi mới tu tập cho đến công rốt cùng này dung hợp thành biển quả, gọi là Pháp thân. Từ chính là bi, có công năng che phủ chúng sinh, nên gọi là Từ âm. Diệu vân là trí, Niết-bàn là lý, pháp thân là vô tướng. Chỉ ba thứ này cũng

nói là trí tuệ đại định, tức là ba đức Niết-bàn, gọi là kho Bí mật, nay trong vị này giống như chỗ cùng tốt của tu tập, còn có Phật địa chướng, chưa thể Thỉ giác hợp Bản giác. Hai tướng còn cho nên nói lại che lấp biển Niết-bàn. Địa này chứng được nghiệp tự tại sở y chân như, nghĩa là chứng được chân như này rồi thì được bốn thứ tự tại:

1. Ba nghiệp.

2. Năm thông.

3. Tổng trì.

4. Thiên định: dứt được chướng chưa được tự tại đối với các pháp tu trí ba la mật thêm cao siêu.

Đẳng giác vị, có hai:

1) Nói về địa vị Đẳng giác:

Như-lai ngược dòng, Bồ-tát như thế thuận dòng mà đi, bờ giác giao nhập, gọi là Đẳng giác. Từ chân khởi ứng, trở lại vào sinh tử, từ quả bắt đầu vào nhân. Nên ngược dòng Như-lai. Quả pháp Thánh trí tức là dòng pháp. Từ nhân vào quả, từ sinh tử vào Niết-bàn nên gọi là thuận dòng mà đi, là chí cực bắt đầu khởi ứng, thực hành nhân cùng tốt, thuận nghịch giao nhau chỉ một sát-na, cho nên nói bờ giác giao nhập. Đây là đạo giải thoát, trước là đạo Vô gián. Chỉ ở chỗ này lập làm Đẳng giác. Kinh Hoa Nghiêm không nói, Đẳng giác, vì xếp vào địa thứ mười. Cho nên trong địa ấy lại nói thọ chức là Đẳng giác. Duy Thức chỉ phá mười một thứ chướng cũng là ý này. Ở đây nêu riêng, ý còn trong viên dung nói đủ hành bố.

2) Kết luận hiển bày.

Này A-nan! Từ Càn Tuệ tâm đến Đẳng giác rồi, giác mới được trong tâm Kim Cương. Tuy từ Sở tâm đến Đẳng giác này đều dùng Tam-muội Kim Cương quán sát các pháp đều như huyễn. Nhưng đến vị này có khả năng phá vô minh nhỏ nhiệm sau cùng, là bờ tối cực của Tam-muội này. Lực dụng đầy đủ, đặc riêng gọi là tâm Kim Cương. Đây chính là Diệu giác mới vào tâm thuộc đạo Vô gián, liền gọi Đẳng giác. Cho nên nói mới được tâm Kim Cương, tức Duy thức nói Kim Cương dụ cho định lúc hiện tiền, dứt chướng ở Phật địa thì vào Diệu giác.

Diệu giác vị:

Càn Tuệ địa đầu tiên, lớp lớp đơn phức như thế có mười hai vị, mới tận Diệu giác, thành đạo vô thượng. Bắt đầu từ Càn địa cuối cùng đến Diệu giác, đơn Phức gồm nhau, tổng cộng có mười hai, Đơn có bảy. Nghĩa là Càn tuệ, Noãn, Đảnh, Nhãn, Thế đệ nhất, Đẳng giác, Diệu giác. Phức thì có năm, đó là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi

Hương và Thập Địa. Vì trong mỗi vị tự đầy đủ cả mười, nên gọi là phúc. Địa vị thứ mười hai gọi là Diệu giác, là Vô thượng sĩ.

Vô Thượng sĩ nghĩa là không có chỗ dứt. Vô Thượng sĩ lại có nghĩa là người không có lỗi, như trắng rằm tròn đầy không khuyết. Cho nên nói mới tận Diệu giác, thành đạo Vô thượng. Thế chính là đại Niết-bàn, ba đức đầy đủ gọi là Bí Mật tạng.

Ba Kết y hạnh thành vị, có ba:

1. Kết dụng hạnh:

Là các địa vị, đều là Kim Cương, quán sát như huyễn có mười thí dụ sâu xa. Trong Xa-ma-tha, dùng các Tỳ-bà-xá-na Như-lai, thanh tịnh tu chứng thứ lớp sâu vào. Chỉ cho năm mươi bảy vị trước, cho nên nói là các thứ đối với mỗi địa đều dùng Tam-muội Kim Cương như huyễn, quán sát các pháp, hoặc hạnh hoặc trí, tất cả đoạn chứng đều như lửa huyễn, trăng đáy nước, như hư không, như tiếng vang, mộng ảnh, tượng hóa v.v... Cho nên có mười ví dụ sâu xa. Đây chính là bắt đầu từ tiệm thứ cuối cùng đến quả Phật, đều do Thủ-lăng-nghiêm Vương là chỉ tức quán, là quán tức chỉ, phá hoặc vô minh, khởi hạnh tu chứng. Cho nên nói Kim Cương quán sát. Tỳ-Bà-xá-na là chỉ quán song vận. Cho nên ngài Kinh Khê nói: Như mộng chỉ thêm tên suông hoặc dứt, nhân huyễn đã đầy, bóng gương là quả tròn. Ngài Thanh Lương nói: Tu tập muôn hạnh như hoa đốm trong hư không, an tọa đạo tràng như trăng đáy nước, hàng phục ma trời trong bóng gương, chứng đắc quả Phật trong mộng, đều là ý này.

2. Kết luận vị thứ:

A-nan! Như thế vì ba tăng tiến cho nên khéo thành tựu năm mươi lăm vị đường Bồ-đề chân thật. Tăng tiến là tiệm thứ, cho nên văn trước nói: Từ tiệm thứ này an lập đạo tràng. Năm mươi lăm vị là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương và Thập Địa, cộng với Càn Tuệ Địa, Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất là năm mươi lăm vị. Bồ-đề là quả, đồng với Đẳng giác và Diệu giác. Năm mươi lăm tâm gọi là Đường. Nhờ đây sẽ đến quả Bồ-đề, tức là đường Bồ-đề.

3. Kết tà chánh:

Quán như thế gọi là chánh quán, nếu quán khác thì gọi là tà quán. Nếu hành nhân y theo đây để tu chứng, không dứt mà dứt, không đảo mà đảo, đây chính là người tu hành chân chánh. Cho nên nói là Chánh quán. Nếu nói không có địa vị, nhưng chỉ là lý, ở đây đồng với tà kiến, bỏ phước không có nhân quả, nên gọi là tà quán. Trong kinh Nhân Vương cũng có phân biệt này. Nói địa vị rồi chính là nói: Hoặc nói vượt qua

điều này mà thành Phật, ấy là ma nói. Đại văn thứ năm Xuất ra Thánh giáo danh thù, các văn liền y giải khởi hạnh, tu hành tiệp thứ, do nhân mà được quả, một lúc xong xuôi. Pháp môn này phải truyền đến đời sau, phải đặt tên kinh. Nếu không có tên thì lấy gì để cảm vờ mà truyền bá. Cho nên có văn này. Văn có hai:

Văn thù hỏi:

Bấy giờ, Pháp Vương tử Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Nên đặt tên kinh này là gì? Con và chúng sinh phải vâng giữ thế nào?

Văn-thù là bậc trí đức, ở trong hội này biết trước A-nan gặp nạn Ma-đăng-già. Phật bảo Văn-thù trì chú đến cứu A-nan. Đại chúng ngỡ ngác không hay biết, cũng vì người bên cạnh mà hỏi về kiến nguyên. Các vị Thánh đều nói Viên thông. Như-lai khuyên chọn lựa, đến nay giải hạnh viên mãn, nhân quả tròn đầy. Cho nên hỏi tên kinh để truyền bá cho đời sau, một hội có thể thờ phụng quy về người này.

Như-lai đáp:

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Kinh này tên là Đại Phật Đảnh Tất-Đát-Đa Bát-Đát-la Vô Thượng Bảo Ấn Thập Phương Như-lai Thanh Tịnh Hải Nhân. Dưới đây có năm tên gọi vì Phật ở Đảnh vô Kiến phát ra ánh sáng Hóa Phật nói thần chú. Điều này nói lên nhất tâm đầy đủ thể tướng dụng, là đại thể, là Phật tướng, là đánh quang, Hóa Phật tức là dụng.

Giải thích tỉ mỉ phối hợp với pháp tức là khai ở trong đề. Tất-Đát-Đa Hán dịch là bạch tán cái.

Tạng tâm vô nhiễm gọi là Bạch.

Che khắp tất cả gọi là tán cái (dù).

Thật tướng trí tuệ là tôn trọng pháp, định rõ chánh tà. Chỉ có Phật và Phật mới thấu rõ rốt ráo. Gọi là Vô thượng Bảo ấn, Chư Phật ba đời dùng đây soi sáng tướng thật các pháp, dọc ngang cùng khắp đầy đủ đức vô lậu. Gọi là thanh tịnh hải nhân. Trên đây là y cứ chung vào lý trí mà đặt tên.

Cũng gọi là Cứu hộ Thân nhân. Độ thoát A-nan Cập Thử Hội Trung Tánh Tỳ-kheo-ni Đắc Bồ-đề Tâm Nhập Biển Tri Hải.

Cứu hộ Thân nhân là nêu chung, độ thoát là bày riêng, ở dưới. Đắc tam Bồ-đề là phát tâm Đại thừa. Vào khắp biển trí là chứng lý viên thường. Trên đây y theo công dụng để đặt tên.

* Cũng gọi là Như-lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa.

Quả ba đời của người nhập vào Bí mật tạng lấy đây làm nhân, là nhân bí mật. Lại đại định này đầy đủ tất cả hạnh, không phải là điều mà người phàm biết được, nên nói là bí mật, mật là nhân mà các Đức Như-lai ba đời lấy pháp môn này làm rốt ráo, nên nói là liễu nghĩa. Đây là y theo nhân pháp để đặt tên.

* Cũng gọi là Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương Thập Phương Phật Mẫu Đà-la-ni Chú.

Quảng là không bờ mé, nên gọi là Đại.

Chánh pháp tự giữ nên gọi là Phương. Xứng thể mà cùng khắp nên gọi là Quảng, tức là không thể suy nghĩ bàn luận. Liên hoa dụ cho khai mở tri kiến Phật, ra khỏi phiền não ngại, trí ngại, vì thấy Phật tánh giống như nước chảy lan ra. Lại có khả năng tự tại đối với các pháp, đứng đầu các Tam-muội nên gọi là Vương. Sinh ra các Đức Phật nên gọi là Mẫu. Giữ thiện ngăn ác, nhiếp chung công đức, gọi là Đà-la-ni. Chú là chú trở.

Ở đây y theo hiển bày lợi ích mà đặt tên.

* Cũng gọi là Quán Đảnh Chương Cú Chư Bồ-tát Vạn hạnh Thủ Lăng-nghiêm, ông phải vâng giữ. Minh giáo mà đáng Pháp Vương ủy chánh, gọi là Quán đảnh chương cú.

Chư Bồ-tát: Đã giải thích như trên. Ở đây y theo giáo hạnh để đặt tên. Năm tên ở trên đáp câu hỏi đầu. Ông phải vâng giữ là đáp cho lần hỏi thứ hai. Nhưng y theo năm tên gọi trước, như lời nói mà thực hành, truyền bá cho đời sau giúp cho chúng sinh khai ngộ, chính là vâng giữ. Giải thích việc làm trên từ nhân địa đến quả, hiển rõ vị khác nhau, hỏi tên xin vâng giữ, cùng lúc đều khắp. Đây là một hội đã xong, phải nói đại chúng nghe lời Phật nói làm lễ mà lui ra.

Khánh Hỷ lại có hỏi rằng: thời tuy cách xa, hỏi lại nối nhau, cho nên người viết kinh y theo lời hỏi, theo nghĩa hợp thành một bộ, bởi chưa kết thành làm lễ mà đi.

Đại văn thứ sáu: Nói về thú sinh nhân khác. Từ đây trở xuống là hội thứ hai lại nói kinh. Vì A-nan hỏi lúc hiện sự đã thấy là riêng khác. Đã nói như trong giáo tích trước sau. Văn chia làm hai.

A-nan thưa hỏi, có hai:

1) Nói về đặc quả, có hai:

a) Nghe pháp giúp cho đạo lực thêm lớn:

Nói lời này rồi, lúc ấy A-nan và các đại chúng được Như-lai chỉ bày nghĩa mật ấn bát-đát-la và nghe kinh này, hiểu nghĩa tỏ rõ, đốn ngộ thiền na, tu hành tiến lên Thánh vị, tăng thượng diệu lý, tâm tự rộng

rang, dứt trừ ba cõi, tu tâm dứt sáu phẩm phiền não nhỏ nhiệm, Tam-muội chân thật. Cho nên nói đốn ngộ thiên-na. Đắc quả Tư-đà-hàm nên gọi là tu tiến Thánh vị, Chứng sâu vào diệt đế nên nói là Tăng thượng diệu lý, dần dần trí sáng chiếu, nên nói tâm lự rộng rang, hạt giống câu sinh khó dứt cho nên nói nhỏ nhiệm, nói sáu phẩm nghĩa là y theo thuyết Đại thừa. Phiền não Câu sinh là ba cõi, chín địa tuy chia ra có chín phẩm, nếu người tri thì sẽ nhập địa vĩnh viễn. Nhưng y theo bốn quả thì mỗi địa dứt riêng. Cho nên trong thân người chứng Sơ quả dứt sáu phẩm hoặc trước trong một địa chín phẩm ở cõi Dục mới chứng quả thứ hai. Trong thân của nhị quả dứt ba phẩm dưới mà chứng quả thứ ba. Trong thân tam quả dứt bảy mươi hai phẩm của hai cõi trên thì là đắc La-hán. Nay chứng quả thứ hai cho nên dứt sáu phẩm.

b) Khen Phật nói về lợi ích.

Liên đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn, cúi mong Ngài dùng từ âm vô ngại, khéo mở bày các hoặc sâu kín cho chúng sinh, giúp cho chúng con hôm nay thân tâm an vui, được lợi ích lớn.

Tu đạo sở đoạn, hành tướng khó biết rõ, nên gọi là sâu kín, vô thí câu sinh, nên gọi là trầm hoặc.

Lưới nghi xé toang nên nói là an vui:

Tăng tiến Thánh vị, nên nói là làm lợi ích.

2) Nói về điều nghi, có hai:

a) Trình bày nghi vấn, có hai:

a.1) Hỏi chung về các đường.

Bạch Đức Thế tôn! Nếu diệu minh chân tịnh diệu tâm này xưa nay tròn khắp. Như thế cho đến mặt đất cỏ cây, bò bay máy cưa, hàm linh vốn là chân như, tức là Như-lai Thành Phật chân thể, Phật thể là chân thật, sao lại nói có các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la trời, người v.v...

Bạch Đức Thế tôn! Con đường này vốn tự có hay do vọng tập chúng sinh sinh khởi.

Nghi này do trước Phật bảo A-nan:

Nay ông các căn dọn sạch thì bên trong phát sáng. Ông là các tướng biến hóa của phù trần và khí thế gian. Như nước sôi làm tan băng, ngay đó hoá thành tri giác vô thượng.

Đây là một người thành Phật, khí giới hữu tình cùng lúc thành Phật. Như-lai ngày nay thành Phật đã lâu, chẳng lẽ lại có thú thú khí

giới.

Cho nên nói thể của Phật là chân thật. Đâu nói lại có đường địa ngục v.v... nếu các đường này xưa nay tự có sao ở trước nói thanh tịnh bốn nhiên, xưa nay chẳng có chúng sinh, thế giới, cũng không thể nói một người thành Phật, y chánh dung giác, hoặc nói chúng sinh vọng tập sinh khởi, Vọng tập thì làm sao sinh khởi được? Tướng của sinh khởi nghĩa ấy làm sao nói. Nếu y theo ý đáp của Như-lai, thì chính là do chúng sinh luống dối tạo nghiệp, luống dối thọ sinh. Trong tâm Bồ-đề giống như hoa đốm trên hư không vọng thấy sinh diệt. Cho nên văn dưới nói: Ông vọng tự tạo, chẳng phải lỗi của Bồ-đề.

Hỏi: Ở đây có khác gì với điều nghi của Mãn Từ?

Đáp: Trước nghi rằng lý vốn thanh tịnh sao bỗng sinh ra núi sông đất đai, thì y theo y báo làm đầu. Vì bản nhiên khó thanh tịnh. Cho nên Chư Phật giải thích nghi. Bởi gượng giác vọng chia ra năng sở, biến thành ba thứ nối nhau, từ vọng thấy sinh, do sự luống dối này, đến cuối thì trở lại đầu. Ở đây nghi Phật nay thành quả tất cả hợp dung quy giác, sao nói lại có bảy thứ hưởng khác nhau. Đây là y theo chánh báo làm đầu vì quả Phật khó, chỉ có chân, chân hợp không có bảy thứ khác nhau này. Lại nêu đường này là vốn có ư? Hay do vọng sinh khởi?

Ý muốn Như-lai nói rộng nhân quả. Tuy đều luống dối, nghiệp duyên thiện ác thọ báo tốt xấu đều không sai lầm, làm cho chúng sinh tin rõ nhân quả không rơi vào tà kiến. Văn trước chỉ nói:

Từ vọng kiến sinh một thể luống dối, những người độn căn cho rằng đều mất nhân quả. Nay giải thích rõ điều này, nhân quả rõ ràng, biết ý trước hỏi làm sáng tỏ Chân-đế.

Nay ý nghi nói về tục đế, trước sau giúp nhau mới thành viên dung rõ ràng, tức là giải thích đầy đủ nghĩa đàn.

a.2) Hỏi riêng về địa ngục:

Bạch Đức Thế tôn! Như Tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương giữ giới Bồ-tát, lén hành dâm dục, vọng nói hành dâm, chẳng phải sát sinh, trộm cắp, không có nghiệp báo, nói lời này rồi (chín trăm ba mươi bốn). Trước tiên ở nữ căn sinh ra lửa cháy hừng hực, sau đó đối với từng đốt xương lửa dâm lấy lừng, đọa vào địa ngục Vô gián. Nhà vua Lưu-ly, Tỳ-kheo Thiện Tịnh, Lưu-ly giết chết dòng họ Cù-đàm, Thiện Tịnh nói căn tất cả pháp không, đời này đọa địa ngục A-tỳ, các địa ngục này có chỗ nhất định, lại là tự nhiên, hai người kia phát nghiệp đều chịu tội riêng. Việc Tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương chưa biết xuất xứ từ đâu, y cho rằng sát, trộm có đối, tà hạnh không đối. Cho nên nói không có nghiệp báo.

Việc Thiện Tịnh ra khỏi Niết-bàn, duyên Lưu Ly như kinh này, vì có chỗ nhất định nên dưới đây ý hỏi có sáu, trong văn thấy chỉ có ba:

Sáu là:

Cho là có chỗ nhất định

Cho là không có chỗ nhất định

Tự nhiên

Nhân duyên

Thọ riêng

Đồng thọ

Văn dưới kết rằng: Không dứt ba nghiệp, mỗi thứ đều có riêng, vì có thọ riêng, nhiều riêng đồng phần, đều có chỗ nhất định.

Thỉnh nói về lợi ích.

Chỉ rữ lòng đại bi khai phát trẻ thơ không biết gì, làm cho tất cả chúng sinh giữ giới nghe nghĩa quyết định vui mừng lãnh thọ, cẩn thận không để phạm.

Ấu tiểu: là đứa trẻ

Tình mê muội gọi là mộng.

A-nan tự xem thường mình không có đại trí, nên xin Phật khai phát. Những người giữ giới nếu nghe nhân quả luống dối giống như hoa đốm trong hư không, thì giữ giới đâu có lợi ích gì. Nếu chỉ bày quyết định nghĩa môn thì chắc chắn làm cho trong sạch, không phạm.

Như-lai đáp, có hai:

Khen ngợi xin hứa khả giảng nói: Phật bảo A-nan! Lành thay! Ông hỏi điều này, làm cho tất cả chúng sinh không rơi vào tà kiến. Nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho ông rõ. Ngay nơi tục mà chân chỉ một diệu giác, ngay nơi chân mà tục, nhân quả đều không mất, ý nghĩa này đều dung thông mới là viên dung liễu nghĩa. Điều A-nan hỏi rất xứng với tâm Phật cho nên khen lành thay, tự dứt bỏ tà kiến.

b) Chánh là phân biệt, có ba:

Y theo tình tưởng để nói chung, có ba:

* Chia chung hai phần, văn có hai:

- Nêu bày:

Này A-nan! Tất cả chúng sinh, thật vốn có chân tịnh. Nhân kia vọng thấy, có vọng tập sinh khởi. Do đây chia ra phần trong, phần ngoài.

Các pháp vốn chân, không hề sinh diệt. Do niệm phân biệt, thấy các pháp sinh. Nếu lìa niệm thì thấy chúng sinh, núi sông, cõi nước xưa nay thành Phật. Cho nên nói thật vốn chân tịnh.

Trở lại nguồn gốc, tuy vậy nếu chưa quay lại thì đều y theo thấy vọng, tạo nghiệp chịu báo. Cho nên vẫn dưới nói chúng sinh này không biết bốn tâm, chịu sự luân hồi, trải qua vô lượng kiếp không được chân tịnh, đều do thuận theo sát đạo, dâm. Nếu trái với ba thứ này thì không có sát, đạo, dâm. Có gọi là đường quý, không gọi là đường trời, có không nương nhau, khởi tánh luân hồi. Cho nên nói nhân kia vọng thấy có vọng tập sinh, v.v...

- Nói rõ, có hai:

+ Nội phần y theo, tình, có hai:

• Giải thích tướng.

Nầy A-nan! Nội phần tức là trong phần chúng sinh, do các ái nhiễm mà phát khởi vọng tình. Tình chất chứa không thôi, có công năng sinh nước ái, tình ái nhiễm chính là căn bản sinh tử của chúng sinh gọi là phần trong. Phần cũng có nghĩa là nhân, tình ái chìm xuống làm cho nhuần thấm nghiệp thọ sinh, nên nói như nước. Ngoại do nội cảm, cho nên có dòng biển khắp các cõi mười phương. Bởi vậy, chúng sinh tâm nhớ nghĩ đồ ăn ngon thì, chảy nước trong miệng, tâm nhớ người trước, hoặc thương hoặc thù thì trong mắt lệ tràn, tham cầu tiền của vật báu, tâm sinh khởi yêu thích thì toàn thân nhuần thấm, tâm mê đắm hành dâm, hai căn nam nữ tự nhiên tuôn ra chất dịch. Đây là dẫn việc để xem xét.

Nhớ là niệm, nhớ rõ là tánh, niệm có ưa ghét. Cho nên chia ra thương và ghét. Do yêu thương mà sinh tâm ghét, không lìa tình nhiễm, trong có tình nhiễm, ngoại có việc này, cho nên đều chảy thành dòng.

• Kết thành:

Nầy A-nan! Các ái tuy khác nhưng lưu kết lại thì giống, nhuần thấm không bay lên, tự nhiên rơi xuống. Đây gọi là phần trong. Cảnh sở ái tuy khác, nhưng tâm năng ái là một, cho nên nói lưu kết là giống. Lưu là chìm xuống, kết là ràng buộc. Nhân đã không bay lên thì, quả cũng rơi theo.

+ Phần ngoài y theo tướng, có hai.

• Giải thích tướng.

Nầy A-nan! Phần ngoài là phần ngoài của chúng sinh, do các khát ngưỡng mà phát minh hư tướng. Tướng chứa nhóm lâu ngày không ngừng sẽ sinh thăng khí, sinh tử của chúng sinh vốn phân ra do tình, tình nhiễm đắm cảnh, nhân liền đọa theo. Nay lấy cảnh tịnh làm chỗ sở dục. Nhưng chỉ do tướng này, không thuộc về tình, chính là việc phần ngoài của chúng sinh, cho nên nói ngoại phần, khí là khí sắc.

Cho nên chúng sinh tâm giữ cấm giới, thì toàn thân nhẹ nhàng thanh tịnh, tâm trì ấn chú, thì mắt thấy có thần, tâm muốn sinh lên cõi trời thì mộng thấy muốn bay cao, tâm nghĩ đến cõi Phật, thì cảnh Thánh hiện bày, thờ thiện tri thức, tự xem thường thân mạng, đây là dẫn việc để xem xét, thân nhẹ nhàng thanh tịnh, mắt thấy có thần, mộng thấy bay cao, cảnh Thánh hiện ra, xem nhẹ thân mạng. Năm điều này là sắc khí cao siêu, do tưởng mà có, nghị là dám.

• Kết thành:

Này A-nan! Các tướng tuy khác, nhưng nhẹ bay lên là đồng, lay động không chìm tự nhiên vượt lên, đó gọi là phần ngoài, vui mừng cảnh đẹp bên ngoài, không do tình nhiễm, tướng đã nhẹ nhàng thanh tịnh tự nhiên lay động, quả báo phải vượt lên. Đã tổng kết ở trên mà lược rõ, chưa phân biệt thiện ác tử tử.

* *Nói riêng về đường sinh, có hai:*

- Nói chung về nghiệp duyên thuận nghịch.

Này A-nan! Tất cả thế gian sinh tử nối nhau, sinh từ thuận tập, tử từ biến hóa mà ra. Khi qua đời chưa xả bỏ hơi nóng. Thiện ác một đời điều hiện. Chết nghịch sống thuận.

- Tập giao nhau. Thuận nghịch, có hai:

+ Y theo tình.

Tất cả chúng sinh ham sống sợ chết. Sinh là thuận tình, chết là nghịch tình. Cho nên nói sinh từ thuận tập, chết từ biến ra. Biến giống như nghịch. Lại khi thọ thai ba chỗ đều thuận. Cho nên được sống, chết thì không như vậy.

+ Y theo nghiệp:

Nghiệp có công năng cảm quả. Sống thì cảm thuận, do nhân mà đưa đến quả, nên nói là thuận tập. Chết thì trái với điều này, không có nghĩa sinh ra lớn lên. Cho nên nói biến lưu. Sống chết giao tế gió lửa chưa tan. Hành nghiệp thiện ác nhân duyên bình sinh lúc này đều hiện ra. Mạnh thì kéo trước, là tùy theo chỗ sinh.

- Nói riêng về tình tưởng thăng trầm, có năm:

+ Nói về thuận tưởng:

Thuần tưởng tức là bay, chắc chắn sinh lên cõi trời. Nếu trong lúc tâm bay gồm có phước, tuệ và tịnh nguyện thì tự nhiên tâm khai mở, thấy các Đức Phật mười phương, tất cả tịnh độ tùy nguyện vãng sinh về. Ở đây có hai trường hợp:

• Nếu chỉ có tưởng mà không có phước tuệ, tức là chỉ giữ giới mà chán ghét thân này thì chắc chắn sinh lên cõi trời.

• Nếu giữ giới và tu cả phước tuệ, phát nguyện thấy Phật, nhằm chán ba cõi thì chắc chắn sinh về tịnh độ, thấy các Đức Phật mười phương, liền được Vô Sinh nhẫn, nên nói tâm khai, như Quán kinh có nói.

+ Tình ít tưởng nhiều:

Tình ít tưởng nhiều, nhẹ bay lên không xa, là năng lực bay lên của tiên, quỷ vương, phi hành dạ-xoa, địa hành la-sát, bay lên đến Tứ thiên, đến đâu cũng được vô ngại. Vì tưởng nhiều cho nên bay đi tự tại, vì tình ít cho nên làm thân tiên quỷ. Các loại này, phần nhiều do tưởng tà, không tu hành chân chánh. Tức là không tu giới tuệ mà tu tà định, vì không giữ giới nên đọa vào đường quỷ thần. Vì tu định cho nên có thần thông rộng lớn. Do khác nhau như vừa nói trên vẫn là tưởng nhiều tình ít. (Chín trăm ba mươi lăm) Trong đây, có bốn loại như tiên quỷ, v.v... được phối hợp với chín, tám, bảy, sáu tưởng. Nếu người nặng về tình mà không có giới định thì đọa vào ba đường ác.

Trong đó nếu có nguyện lành, tâm lành giữ gìn pháp của ta, hoặc giữ gìn giới cấm, tùy theo người trì giới, hoặc hộ thần chú, tùy theo người trì chú hoặc hộ thiền định mà được Pháp nhẫn. Như thế những người này đích thân ở dưới tòa Như-lai. Vì nặng về tưởng này vẫn gồm nguyện lành, tuy không giữ giới, lại có định nguyện, giữ gìn giới chú và thiền định. Điều này chính là do điều trước huân tập, cố hủy giới cấm vì biết lỗi cho nên phát nguyện, cũng nương vào giới mà được yên ổn, cho nên thân tám bộ mà được thấy Phật.

+ Tưởng và tình bằng nhau:

Tưởng và tình bằng nhau thì không bay lên, không đọa xuống, sinh ở nhân gian tưởng sáng suốt, tình u độn: không sinh lên cõi trời cõi tiên, không đọa vào ba đường, nhưng trong sự bằng nhau ấy nếu hơi mạnh về tưởng thì căn tánh không minh, nếu hơi nặng về tình thì căn sẽ ám độn. Tuy cùng là loài người cũng do tình tưởng có sự khác nhau này, tức là quả báo khác nhau.

+ Tình nhiều tưởng ít.

Tình nhiều tưởng ít thì rơi vào loài hoành sinh, nặng thì đọa vào loại có lông, nhẹ thì sinh vào loài lông cánh. Nếu xét theo văn dưới, thì ở đây phải là sáu tình, bốn tưởng.

Hoành sinh là bàng sinh, nhưng có nặng nhẹ. Nếu tình hơi nặng thì quả báo sẽ làm loài thú chạy, nên gọi là loài có lông. Nếu tưởng hơi mạnh thì thân làm chim bay, cho nên nói loài lông cánh. Suy luận kỹ có khác nhau như trong loại sinh mà văn dưới nói.

Bảy tình ba tưởng thì chìm xuống biển nước. Sống ở bờ lửa, phải chịu lửa mạnh, thân làm nạ quỷ thường bị thiêu đốt, nước sẽ hại mình, không được ăn uống, trải qua trăm ngàn kiếp.

Bờ lửa là nơi nạ quỷ ở, dòng nước hưởng xuống đến bờ lửa gần địa ngục.

Bị hơi lửa mạnh thiêu đốt là do nghiệp lực, chịu lửa mạnh làm thân. Cho nên thường bị thiêu thân từng lông đốt, lửa thì bốc lên. Nước làm hại mình là khổ vì không có nước. Nếu gặp thành lửa thì thân mình bị thiêu đốt nên nói là hại mình.

Chín tình một tưởng thì dưới lửa bốc cháy, thân vào gió lửa, cả hai xen nhau qua lại. Nhẹ thì đọa vào Hữu gián, nặng thì đọa vào Vô gián, là hai thứ địa ngục. Hai thứ giao nhau qua lại, là nơi gió lửa giao nhau, chính là nơi địa ngục nóng bức thứ bảy. Trong chín tình, nếu hơi giảm thì gọi là nhẹ, tức là tám tình đọa vào hữu gián, hơi tăng gọi là nặng, đọa vào Vô gián là chín tình. Nói Vô gián này là nói theo chịu khổ. Nhưng Vô gián này đối với Hữu gián mà có tên, Vì là địa ngục nóng bức thứ bảy, dưới tức là năm địa ngục Vô gián thứ tám, là tên khác của A-tỳ nặng nhất.

+ Thuần tình:

Thuần là tình thì chìm vào địa ngục A-tỳ. Nếu trong tâm chìm ấy có chê bai Đại thừa, hủy cấm giới của Phật, cuồng vọng nói pháp, tham ăn của tín thí, lạm được cung kính, năm tội nghịch, mười giới trọng, lại đọa vào địa ngục A-tỳ ở mười phương, A-tỳ Hán dịch là Vô gián, là địa ngục thứ tám, có đủ năm thứ là: chịu tội, khổ cụ, thân lượng, kiếp số, và thọ mạng.

Nếu theo Câu-Xá thì nghiệp báo Vô gián vì gây ra tội này chắc chắn đọa địa ngục, lại không có dư nghiệp, dư sinh có thể gián cách. Chê bai Đại thừa dưới các tội cực trọng, do đó đọa vào các địa ngục A-tỳ ở mười phương.

Kinh Pháp Hoa nói: Nếu khinh chê kinh này thì người ấy khi qua đời bị đọa vào địa ngục A-tỳ, đủ một kiếp, kiếp hết sinh trở lại, cứ như thế xoay vần đến vô số kiếp.

Luận Câu-xá nói: Tuổi thọ trong địa ngục A-tỳ là một trung kiếp, hai mươi lần tăng giảm là một Trung kiếp, đã nói vô số, thế giới này hư hoại, liền đến các địa ngục A-tỳ ở mười phương, vì tội chê bai chánh pháp, cắt đứt hạt giống Phật, vì làm cho vô lượng người đọa vào tà kiến.

Kết do nghiệp mình.

Chỉ thuần gây ra nghiệp ác, tuy là tự vờ, trong chúng đồng phần gồm cả nguyên địa. Thuận theo làm ác, cho nên chịu khổ báo, nghiệp ác không đồng, thọ báo cũng khác. Cho nên nói là tự vờ, trong chúng đồng phần có nguyên địa, nhiều tên không phải một, đồng là một nghĩa, chúng có tương tự, đồng lập phần danh.

Tạo nghiệp đồng: là cộng trung cộng biến, luận Câu-Xá nói: Có sai biệt đồng phần và vô sai biệt đồng phần. Đồng nghiệp cũng cảm nhiều khổ đều chịu khổ này, gọi là vô sai biệt đồng phần, nếu tùy theo nặng nhẹ chịu báo khác nhau, gọi là sai biệt đồng phần.

Nay nói nguyên địa chính tức là khác nhau.

Y theo nghiệp báo để nói riêng, có bảy:

1. Địa ngục, có ba:

a) Kết trước sinh sau.

Nầy A-nan! Đó đều là do tự nghiệp của các chúng sinh kia chiêu cảm, gây ra mười tập nhân, chịu sáu giao báo, do tình tưởng vọng tập các nghiệp, tùy nghiệp thiện ác, hoặc bay lên hoặc đọa xuống. Cho nên nói là do tự nghiệp chiêu cảm.

Mười tập nhân là chỉ riêng cho nghiệp ác, tức là mười sử phiền não, đối với cửa sáu căn phát thức tạo nghiệp, tự chịu quả báo. Từ sáu căn phát sinh ra báo và nghiệp giao nhau. Cho nên nói giao báo, đồng thọ địa ngục tức dẫn nghiệp chiêu cảm. Sáu căn thọ riêng là đưa đến mãn nghiệp, đều là chúng sinh vọng tình tập tạo.

b) Gạn lại nói riêng, có hai:

b.1) Mười tập nhân, có mười:

* *Dâm tập:*

Thế nào là mười nhân? Là nêu chung. Phát nghiệp có hai:

- Chánh phát, tức là vô minh.

- Trợ phát, là dư hoặc câu phân biệt.

Nay mười nhân này, trừ dâm tập là nghiệp sở phát, còn chín nhân kia là hoặc năng phát, hoặc có căn tùy. Văn dưới tự chỉ. Mười đoạn văn dưới đây đều có ba:

Nầy A-nan! Một người do dâm tập giao tiếp phát tướng va chạm nhau, nghiên cứu sự va chạm nhau không thôi, vì thế nên trong ánh sáng lửa lớn phát động, như người xoa hai tay vào nhau thì có hơi nóng.

Do nhân đưa đến quả. Đây là nghiệp sở phát, đầy đủ tham si, sinh tử luân hồi lấy đây làm gốc, nội căn ngoại cảnh hợp nhau. Cho nên nói giao tiếp, trong ngoài cùng phát, trở thành lửa dục, dụ cho hiển bày rất dễ hiểu. Hai tập đốt nhau, cho nên có giường sắt cột đồng.

Chiêu cảm tướng quả:

Căn cảnh đều có cho nên nói hai tập, năng xúc sở xúc đều là tâm ta huân tập lẫn nhau kết thành nghiệp dâm. Vì cảnh dục nên khởi tâm điên đảo, sinh tướng ưa thích mình và người. Do nghiệp chủng này, sau đó chiêu cảm quả báo, từ năng xúc ấy hiện thân địa ngục, từ sở xúc này hiện đủ các khổ, đều là do nghiệp của mình tự huân

Chia hai tập này tự hại mình, người khác cũng mô phỏng theo đây.

Bởi vậy tất cả Như-lai mười phương mắt thấy sắc hành dâm, đồng gọi là lửa dục. Bồ-tát thấy dục tránh xa như tránh hầm lửa

Kết bày tên tội:

Lửa làm biến hoại tất cả thế gian, dục làm phá diệt pháp lành xuất thế, cho nên hành giả phải xa lìa.

* *Tập tham.*

Tham tập giao kế phát ra sự hút nhau, hút mãi không dừng, như thế cho nên tích chứa hơi lạnh, đóng băng trong nước. Như người dùng miệng hút gió có hơi lạnh sinh ra, từ nhân đưa đến quả. Tham là căn bản của ái, có khả năng nhuận sinh, nhiễm đắm làm tánh. Do yêu đắm (chín trăm ba mươi sáu) cho nên có các thứ suy tính, cầu chấp lấy cảnh trước cho nên nói giao kế hút nhau, tham chấp không thôi, như nước đóng thành băng trụ chắc không tan, nên thành đông đặc. Giải thích sự tham này lâu thành nghiệp để đến được quả, văn ví dụ rất dễ thấy.

Hai là tập xâm lấn nhau: Cho nên có các việc tra-tra-ba, ba-la-la, sen xanh đỏ trắng, nước lạnh v.v... chính là nói về tướng quả, do nhân cảm quả, do trong cảm ngoài, tra-ba-la là tiếng bị lạnh, là địa ngục lạnh thứ tám.

Luận Câu-Xá nói: Át-bộ-đà, Hán dịch là Bào. Ni-Sắc-bộ-đà Hán dịch là bào liệt, hai điều này từ tướng.

A-thệ-tra, đệ-đệ-bà, la-la-bà, ba điều này là từ tiếng, uất-bát-la v.v... là hoa sen xanh, trắng, hồng, ba điều này từ sắc. Vì rất lạnh, sắc thân cũng vậy, tương lãng là xâm lấn nhau.

Bởi vậy, mắt thấy sắc phần nhiều tìm cầu cho được, cho nên tất cả các Đức Như-lai mười phương đồng gọi là nước tham, Bồ-tát thấy tham tránh xa như tránh biển khí độc.

* *Kết nêu tên lỗi.*

Tham có công năng thấm nhuận, làm tăng thêm pháp ác, như nay có dòng nước uống thì tham, lại làm tổn hại pháp thân tuệ mạng, như có biển khí độc.

* *Mạn tập.*

Mạn tập xen nhau, phát sinh cây nhau, chảy nhanh không dứt, vì thế cho nên có trôi nổi lưu lạc chứa sóng thành sông.

Như người tự cưỡng lưới, do đó mà có nước chảy ra, hai tập đánh nhau cho nên có sông máu, sông tro cát nóng, biển độc, đồng chảy rười rượi. Mắt thấy sắc ngã mạn nên các Đức Như-lai mười phương gọi là uống nước si.

Bồ-tát thấy mạn tránh xa như tránh biển lớn.

Ba là đoạn trích trên đây tánh của nó là cậy mình xâm lăng người, cống cao, cho nên gọi là Mạn.

Nay nói giao xen nương nhau rong ruổi trôi giạt là tướng mạn. Các việc như sông máu, sông tro, biển độc v.v... Đều do quả báo chiêu cảm, từ bên trong đưa đến bên ngoài, nhân quả xứng nhau, uống nuốt mê đảo nên gọi là nước si. Tây quốc có việc ấy, chìm đắm rất dễ hiểu.

* *Sân tập:*

Bốn là sân tập xen nhau nên phát sinh trái nghịch, trái nghịch buộc chặt không thôi, tâm nóng phát lửa, đúc khí thành vàng. Như vậy cho nên có núi dao sắt, cây là kiếm, bánh xe kiếm, búa rìu, cưa đục. Người này ngậm oán sát khí, bay động, hai tập đánh nhau Cho nên có các việc cung tên, chặt chém, đâm, đánh v.v... Cho nên tất cả Như-lai mười phương nói mắt thấy sắc là sân khởi, gọi là dao kiếm bén.

Bồ-tát thấy sân tránh xa như tránh chém giết, đối với các thứ khổ làm tăng sân nhuế cho thân tâm, nóng bức ôm ấp mãi, tánh không an ổn, trên đây đều là căn bản nhiếp hoặc, xung đột nhau kết thành nóng bức, nóng bức không dừng, khí phẫn nộ thành bền chắc, cho nên cảm được việc như vàng, đá, v.v... Cái cọc buộc chặt người tội vào. Hai hình phạt cung tên và cắt xẻo, nhà Tần có năm hình phạt, chặt chém đều là hình phạt chết mới, đâm là một thứ đo hình phạt từ ngày xưa. Nay có tội thì có hình phạt này, đánh là một loại gây hình phạt mới như đời Mạt thế người khởi tâm tức giận dữ dội thì cầm có cây cỏ cây, đều thành đao kiếm, chẳng phải do nội tâm chiêu cảm hay sao?

* *Tập khí gian dối:*

Năm là tập khí dẫn dụ phát ra điều ngoa, dẫn khởi không trụ, do thế đó nên có dây cây ràng rịt, như nước thấm vào ruộng, cỏ cây sinh ra và lớn lên, hai tập đối chọi nhau, vì thế có các việc như gông cùm, xiềng xích, roi gậy. Cho nên tất cả các Đức Như-lai ở mười phương nói mắt thấy sắc sinh ra gian nguy, cũng gọi là giặc xấu. Bồ-tát thấy gian trá rất sợ như sợ cạp sói gọi là tà vọng, không giả mạo với người mà giả

oai nghi khác lạ. Dũa nịnh làm tánh, hoặc lấy của người, hoặc giấu lỗi mình, không chịu nghe lời thầy bạn khuyên dạy, đây là tùy số. Nay nói phát sinh ra tướng, dẫn khởi chẳng trụ, chính là đây, gian trá là nhiều đầu mối, làm khuấy rối người lương thiện. Dù có phương tiện dắt dẫn, cho nên nói dắt dẫn. Dây cây ràng rịt là dụng cụ chiêu cảm khổ, tâm ác thâm khắp như nước thấm vào ruộng.

Cọp sói đi thành bầy, lưỡi có gai nhọn mọc chĩa ra, đầu nhọn, trán trắng, đuôi lớn sống lâu, giống như con chó, gian ngụy thua chánh, giống như cướp nịnh.

* *Cuồng tập*:

Sáu là người cuồng tập xem thường qua lại phát ra dối vọng, dối gạt không thối, tâm bay nhảy tạo ra gian trá như thế, cho nên có bụi đất, phần tiểu ô uế bất tịnh, như bụi theo gió không thể thấy được, hai tập xung đột nhau cho nên có các việc chìm chết, bay nhảy, nổi trôi. Bởi vậy tất cả Như-lai ở mười phương nói mắt thấy sắc khi cuồng đều gọi là cướp bóc, giết hại. Bồ-tát thấy cuồng tránh xa như tránh rắn độc ở đây cũng tùy số, cuồng là khi cuồng, tâm khởi mưu tính khác, phần nhiều hiện không thật, giả hiện có đức, tánh là đối trá, nghiệp là tà mạng. Nay nói khinh khi nhau, khi là dối lừa. Lừa dối tức là hiện việc tà mạng để dụ lợi, được khen, bụi, đất phần tiểu đều là khổ cụ. Thời kiếp đao binh người giết hại nhau, cho nên nói kiếp sát là loài rắn rít dài ba tấc, đầu như ngón tay cái.

* *Oán tập*

Bảy là oán tập hiềm nhau sinh ra hận thù, cho nên có đá bay, ngói ném, xe hư đựng đầy túi khăn, như che người độc, ôm ấp tâm ác, hai tập nuốt nhau cho nên có các việc liệng ném, kéo đánh, bắn rút v.v...

Bởi vậy, tất cả Như-lai ở mười phương nói mắt thấy sinh oán gọi là quỷ Vị Hại. Bồ tát thấy kẻ oán như uống rượu độc, oán chính là hận, do oán làm đầu, ôm ấp điều ác không xả bỏ.

Kết oán thành tánh không thể nhẫn được. Vì thường nóng bức. Túi khăn đều là dụng cụ trói buộc người tội, có lẽ viết nhầm chữ Pháo (đánh) kéo lui đều kéo buộc người tội, có lẽ viết nhầm chữ phao (ném). Như quỷ vị hại thường rình tìm dịp hại người, rượu độc là tên của chim Trám, cánh lông của nó làm rượu, rượu này có thể giết người.

* *Kiến tập*:

Tám là kiến và tập xen lẫn nhau, như Tát-ca-da do giới cấm chấp lấy, tà ngộ các nghiệp, phát sinh chống cự nhau, sinh ra trái nhau. Bởi vậy mà có vua sứ, chủ sứ chứng cầm văn thư.

Như người đi đường qua lại thấy nhau, hai tập giao nhau. Cho nên có các việc quyền trá, khảo hỏi, đánh đập, tra xét, soi rõ thiện ác. Đồng tử tay cầm quyển sổ biện từ. Bởi vậy tất cả Như-lai mười phương nói mắt thấy sắc sinh ác kiến, đều gọi là hàm kiến. Bồ-tát thấy các thiên chấp luống dối như vào hang độc. Kiến là ác kiến, lấy các đế lý điên đảo, suy lường tuệ nhiệm làm tánh, làm chương ngại thiện kiến, vờn khổ làm nghiệp. Các hành tướng khác nhau của kiến này có năm:

Thân kiến là chấp ngã, ngã sở.

Biên kiến: là chấp đoạn, chấp thường.

Tà kiến: Chê bai cho rằng không có nhân quả.

Kiến thủ: nghĩa là các kiến và uẩn sở y chấp không có chỗ trên hết để được thanh tịnh, nghiệp là tất cả chỗ nương tựa đấu tranh.

Giới cấm thủ: Nghĩa là thuận theo các kiến giới cấm và uẩn sở y, chấp là trên hết để được thanh tịnh. Nghiệp của nó là sở y nhọc công vô ích.

Kiến tập này, đều chấp vào kiến giải của mình để phải quấy lẫn nhau, cho nên có các việc Vương sử chủ lại.

Quyền trá: Là nương phược tiện để chấp tình. Chiếu minh là dẫn việc khác để y cứ chứng minh.

* Uống tập.

Chín là cong vạy giao xen nhau, sinh ra chê bai. Như thế cho nên có hợp núi hợp cối đá, cày, mài. Như tên cướp gặp người lương thiện, hai tập bác bỏ nhau, cho nên có các việc buộc đê, kéo, đá, đo lường, v.v... Bởi vậy tất cả Như-lai ở mười phương nói, mắt thấy sắc sinh ra oán hận chê bai, (chín trăm ba mươi bảy) đồng gọi là sàm nịnh. Bồ-tát thấy tà vạy tránh xa như gặp sấm chớp.

Cong vạy chính là ép ngặt hại người lương thiện tổn não người, tâm không thương xót, nhiếp những điều hại, ức hiếp người lương thiện, đê ép kẻ vô tội làm cho xứng tội. Cho nên chiêu cảm việc hợp núi, v.v...

Túc: Là ép ngặt.

Lộc: Là rung chuyển.

Hành: Là quyền hành.

Độ: là Trượng, thước.

Dua nịnh làm hại điều lành, hổ có khả năng ăn người.

Tụng tập:

Mười là tụng tập bàn nhau, sinh ra che giấu. Bởi vậy mà có gương soi đục chiếu, vì thế mặt trời giữa trưa không thể che bóng, nên có bạn

ác, gương, nghiệp, ngọc, lửa, bày tỏ nghiệp xưa để đối nghiệm các việc. Bồ-tát thấy sự che lấp như mang núi cao, đeo biển lớn. Đây là tập che giấu, nhưng nói tụng là do che giấu mà sinh tranh cãi.

Tánh của che giấu là tự mình làm tội, sợ mất quyền lợi, mà che đậy, hối não làm nghiệp. Nghĩa là người giấu tội, sau đó phải hối não không an ổn. Mình có tội, không thể tự phát lộ bèn kiện tụng người. Tranh tụng này tức là một trong các pháp hối não, phần hận làm đầu, đuổi theo xúc chạm nóng nảy, tánh là oán hận, nghiệp là nọc độc, nghĩa là đuổi theo việc ác.

Xúc hiện trái với duyên, tâm liền nổi hận, thường phát ra lời thô bạo, thấp hèn thô xướng, châm chích người nên gọi là Tụng, mình thì che lấp mà thừa hiện người, hai tập phát nhau nên chiêu cảm bạn ác gương nghiệp. Tội ác che giấu tự biết mà thôi. Như giặc ngầm không sợ chịu khổ, phải đọa đường ác, như đội núi đi trên biển.

